

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
HUYỆN THANH PHÚ**  
Tỉnh Bến Tre

Bản án số: **168/2024/DS-ST**  
Ngày: 10/9/2024  
V/v tranh chấp “*Hợp đồng  
vay tài sản*”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh Phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN P – TỈNH BẾN TRE**

**- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Bà Hồ Thị Triết.

*Các Hội thẩm nhân dân:* 1. Ông Huỳnh Ngọc Sơn  
2. Bà Bùi Thị Duyên

**- Thư ký phiên tòa:** Ông Nguyễn Hữu Lộc.

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre tham gia phiên tòa:**  
Bà Lê Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện P mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 294/2024/TLST-DS ngày 12/6/2024 về tranh chấp “*Hợp đồng vay tài sản*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 178/2024/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 95/2024/QĐST-DS ngày 23/8/2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Lê Thị L, sinh năm 1982. Nơi cư trú: ấp A H, xã A Nhuyễn P, tỉnh Bến Tre. (có đơn xin vắng mặt)

- *Bị đơn:* Bà Lê Thị T, sinh năm 1987 và ông Nguyễn Văn C, sinh năm 1982. Cùng cư trú: số 96/2, ấp An HA, xã An T, huyện P, tỉnh Bến Tre. (cùng vắng mặt)

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

***Theo nội dung đơn khởi kiện ngày 03/6/2024, đơn yêu cầu xét xử vắng mặt ngày 26/8/2024, nguyên đơn bà Lê Thị L trình bày:***

Vào ngày 27/11/2023 âm lịch bà Lê Thị Tvà ông Nguyễn Văn C có hỏi vay của bà L số tiền 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng. Thời hạn vay là 03 tháng. Bà Tr, ông C có ký tên vào Giấy mượn tiền ngày 27/11/2023 âm lịch.

Đến hạn trả thì ông C, bà T vẫn không trả nợ theo thoả thuận mặc dù bà Lnhiều lần nhắc nhở ông C, bà T thanh toán cho bà số tiền này, làm ảnh hưởng đến quyền lợi của bà L.

Nay bà Lyêu cầu Toà án xem xét giải quyết buộc bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc 180.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi từ 08/01/2024 (ngày 27/11/2023 âm lịch) cho đến ngày 08/9/2024 là 08 tháng (180.000.000 đồng x 0,83% x 08 tháng = 11.952.000 đồng).

Tổng cộng số tiền gốc và lãi bà L yêu cầu bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà số tiền là: 191.952.000 (Một trăm chín mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Do bận công việc làm ăn không thể tham gia tố tụng tại Tòa án được nên bà L yêu cầu Tòa án xét xử vắng mặt.

***Bị đơn bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn C đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai để tham gia phiên tòa nhưng vắng mặt, không có bản khai với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.***

***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Thạnh Phú phát biểu ý kiến:***

*Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán trong thời gian chuẩn bị xét xử:* Trong thời gian chuẩn bị xét xử Thẩm phán, Thư ký thực hiện đúng với quy định Bộ luật tố tụng dân sự.

*Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử tại phiên tòa, thư ký:* Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

*Việc chấp hành pháp luật của người tham gia tố tụng:* Người tham gia tố tụng là nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 71 BLTTDS. Riêng bị đơn chưa thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định tại Điều 70, 72 BLTTDS năm 2015.

*Về nội dung:* Căn cứ các Điều 26, 35, 39, 92 BLTTDS; áp dụng các Điều 288, 357, 463, 466, 468 BLDS năm 2015; Điều 27, 37 Luật Hôn nhân và gia đình.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L, buộc bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Lê Thị L số tiền gốc 180.000.000 đồng và tiền lãi 11.952.000 đồng. Tổng cộng là: 191.952.000 đồng (Một trăm chín mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn đồng).

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn bà Lê Thị L tranh chấp hợp đồng vay tài sản với bị đơn bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn C theo quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án; theo điểm a khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện P, tỉnh Bến Tre.

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn bà Lê Thị L có đơn xin xét xử vắng mặt; bị đơn bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn C vắng mặt tại phiên tòa lần thứ hai không có lý do nên căn cứ vào các Điều 227, 228 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự này.

[3] Hợp đồng vay tài sản giữa nguyên đơn bà Lê Thị L với bà Lê Thị T, ông Nguyễn Văn C được giao kết trên cơ sở tự nguyện và bình đẳng, không bên nào bị lừa dối hoặc bị ép buộc; cả hai đều có đủ năng lực pháp luật và năng lực hành vi dân

sự nên xem là hợp đồng hợp pháp theo quy định tại Điều 463 Bộ luật dân sự năm 2015.

[4] Qua tố tụng tại Tòa án thì bà Lê Thị L có cung cấp cho Tòa án Bản chính Giấy mượn tiền ngày 27/11/2023 âm lịch có nội dung thể hiện bà Lê Thị Trang có vay của bà Lê Thị L số tiền 180.000.000 (Một trăm tám mươi triệu) đồng có chữ ký “Trang và Cg” và ghi rõ họ tên “Lê Thị Trang và Nguyễn Văn C” ở cuối trang.

Xét thấy từ khi Tòa án thụ lý giải quyết vụ án và đã tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C nhưng bà Tông C không có ý kiến phản bác yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Lê Thị L nên xem như bà T, ông C đã mặc nhiên thừa nhận nợ số tiền như bà L khởi kiện nên theo quy định tại khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự thì bà L có chứng cứ chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình.

Việc bị đơn chậm trả nợ gốc làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn nên bà L yêu cầu tính lãi chậm trả là phù hợp được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Ông Nguyễn Văn C và bà Lê Thị T có đăng ký kết hôn tại UBND xã A Nv được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 58/2006 ngày 06/11/2006 nên là vợ chồng hợp pháp. Do đó ông C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền nợ gốc và lãi chậm trả.

[5] Từ những phân tích trên yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L là có căn cứ phù hợp với quy định tại các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015 nên Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc bà Lê Thị Tg và ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L tổng số tiền nợ gốc và lãi là 191.952.000 (Một trăm chín mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

[6] Về án phí: Buộc bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm liên đới nộp án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch theo quy định tại khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Vì các lẽ trên,

### **QUYẾT ĐỊNH:**

Căn cứ vào khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 các Điều 92, 147, 227, 228, 238, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Áp dụng các Điều 463, 466, 468 Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Lê Thị L. Buộc bà Lê Thị T và ông Nguyễn Văn C phải có trách nhiệm liên đới trả cho bà L số tiền 191.952.000 (Một trăm chín mươi một triệu, chín trăm năm mươi hai nghìn) đồng.

Kể từ ngày Bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

**2. Về án phí dân sự sơ thẩm:**

Buộc bà Lê Thị Trang và ông Nguyễn Văn Có trách nhiệm đới nộp số tiền 9.597.600 (Chín triệu, năm trăm chín mươi bảy nghìn, sáu trăm) đồng.

Bà Lê Thị L được Chi cục thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 4.687.000 (Bốn triệu, sáu trăm tám mươi bảy nghìn) đồng theo biên lai thu số 0001388, ngày 12 tháng 6 năm 2024.

Đương sự có mặt được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt được quyền làm đơn kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành án theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được Thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và Điều 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**Nơi nhận:**

- VKSND huyện h P;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Chi cục THADS huyện TP;
- Các đương sự;
- Lưu (hồ sơ, Văn phòng).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký và đóng dấu)

**Hồ Thị Triết**